qióng kùn

穷 困

adjective · poverty-stricken; destitute

Example Sentences

Nà ge dì qū fēi cháng qióng kùn
那个地区非常 穷 困。

That area is very poverty-stricken.

Tā cóng xiǎo shēng huó zài qióng kùn de jiā tíng zhōng
他从小生活在穷困的家庭中。

He grew up in a destitute family.

Trace each character, then write the word on your own.

穷 穷 穷 穷 穷 穷 穷 穷 穷 穷

困 困 困 困 困 困 困 困 困 困